

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HS-ST
Ngày 29-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khoa Nam

Ông Lê Thành Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tuấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Điều Thiện, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2007 tại Đồng Nai;
Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ văn hoá (học vấn) 5/12; Dân tộc: XTiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều S, sinh năm 1966 và bà Thị B, sinh năm 1973; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Điều S, sinh năm 1966
Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 18/11/2025, T1 điều khiển xe mô tô Wave RSX màu đen trắng biển kiểm soát 93G1 – 169.83 đi quanh khu vực Trung tâm hành chính phường P để tìm mua ma túy, đến đường C thuộc khu phố E, phường P thì gặp một người phụ nữ tên T và hỏi mua 200.000 đồng ma túy. T1 nhận từ T một gói nylon miệng khóa miết bên trong có chứa ma túy rồi cất vào túi quần đang mặc, sau đó điều khiển xe mô tô quay về nhà. Khi đi đến đường N thuộc khu phố A, phường P thì bị lực lượng Công an phường P đang tuần tra yêu cầu dừng xe để kiểm tra và phát hiện trong túi quần trước bên trái của T1 đang mặc có một bao thuốc lá điều ghi nhãn hiệu HERO, bên trong có một gói nylon dạng khoá miết một đầu kích thước khoảng (1,5x2)cm có chứa chất tinh thể màu trắng, T1 khai nhận đó là ma túy vừa mua nhằm mục đích sử dụng. Do đó, Công an phường P

lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và niêm phong vật chứng, thu giữ 01 xe mô tô Wave RSX màu đen trắng biển kiểm soát 93G1 – 169.83.

Theo kết luận giám định số 3044/KL-KTHS ngày 25/11/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: Tinh thể màu trắng ký hiệu M bên trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2045 gam.

Ngày 27/11/2025, Điều T1 bị khởi tố bị can để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSKV11 ngày 02/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai đã truy tố Điều T1 về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T1 về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là dân tộc thiểu số nên nhận thức còn hạn chế.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo T1 phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo T1 từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong là 0,1572 gam.

- Bị cáo T1 tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam, bị cáo thấy rất ăn năn và thấy có lỗi về hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và kết luận giám định trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/11/2025, bị cáo T1 đã có hành vi cất giữ trái phép 0,2045gam ma túy loại Methamphetamine trên người mục sử dụng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và được xem xét khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong là 0,1572 gam, do đây là chất do Nhà nước cấm mua bán, vận chuyển, sản xuất, sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô Wave RSX màu đen trắng biển kiểm soát 93G1 – 169.83 do ông Điều S đứng tên chủ sở hữu, ông S1 không biết bị cáo T1 sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật.

[6] Đối với người phụ nữ tên T là đối tượng bán ma túy cho bị cáo, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Điều T1 phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Điều T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2025.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 0,1572gam ma túy loại Methamphetamine trong bì thư dán kín, bên ngoài có giấy niêm phong của Phòng K Công an thành phố Đ. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2026).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/5/2026).

“Trööðng hôip baun àun ñööic thi haønh theo quy ñònh tại Ñieàu 2 Luaät Thi haønh àun daân söi thì ngööøi ñööic thi haønh àun daân söi, ngööøi phaui thi haønh àun daân söi coù quyèan thoùa thuaän thi haønh àun, quyèan yeâu caàu thi haønh àun, töï nguyeän thi haønh àun hoaëc bò cööõng cheá thi haønh àun theo quy ñònh tại caùc ñieàu 6, 7 vaø 9 Luaät Thi haønh àun daân söi; thôøi hieäu thi haønh àun ñööic thöïc hieän theo quy ñònh tại Ñieàu 30 Luaät Thi haønh àun daân söi”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Nai;
- CQ CSĐT Công an Tp. Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích V